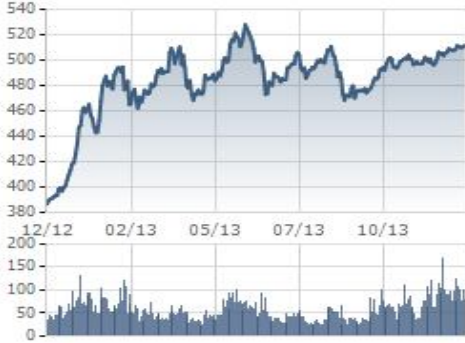


## HOSE 11/12/2013

**VNINDEX** 505.31 **-6.29** **-1.23%**  
**KLGD** 103,538,540 CP  
**GTGD** 1,409.23 Tỷ  
**GTR NDTNN** 38.62 Tỷ

**CP Tăng giá** 40 CP  
**CP Giảm giá** 201 CP  
**CP Đứng giá** 63 CP



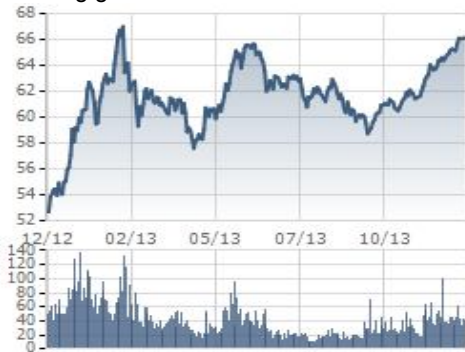
## Tâm điểm

- ▶ **Đà bán trên diện rộng đẩy 2 sàn giảm điểm mạnh**
- ▶ **Thanh khoản gia tăng mạnh trong phiên ngày hôm nay**  
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 1.800 tỷ đồng.
- ▶ **Gia nhập TPP: Xuất khẩu của Việt Nam có thể đạt 307 tỉ USD năm 2025**  
Ước tính tăng 68 tỉ USD so với mức xuất khẩu không có TPP.  
Thanh Niên
- ▶ **Xuất khẩu cả năm sẽ tăng 16%**  
Thông tin dự báo từ Bộ Công thương  
VOV Online
- ▶ **ADB hạ dự báo tăng trưởng Đông Nam Á**  
Nguyên nhân là do tình hình căng thẳng ở Thái Lan và hậu quả của siêu bão Haiyan  
Người Đồng Hành
- ▶ **TCM - Vượt 30% kế hoạch lợi nhuận năm**  
Dự kiến, từ năm 2014, doanh thu và lợi nhuận của TCM tăng khoảng 25%/năm  
Trí Thức Trẻ
- ▶ **TRC - Đà tăng trưởng dự báo sẽ chậm lại trong 3 năm tới**  
Tuy vậy, TRC vẫn đảm bảo được khả năng trả cổ tức 30%  
Nguyetva

## HNX 11/12/2013

**HNXINDEX** 65.57 **-0.57** **-0.86%**  
**KLGD** 51,634,399 CP  
**GTGD** 404.80 Tỷ  
**GTR NDTNN** - 0.05 Tỷ

**CP Tăng giá** 64 CP  
**CP Giảm giá** 163 CP  
**CP Đứng giá** 152 CP



## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	855,302	2,354	12.4	3.0	2.89
HNX	104,629	723	16.6	1.6	4.31
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>959,931</b>	<b>1,853</b>	<b>13.3</b>	<b>2.9</b>	<b>3.09</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	8,052	4,300	6.4	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,090	5,436	6.5	1.6	0.39
Thép và sản phẩm thép	27,552	1,427	13.9	1.6	1.85
Khai khoáng	12,082	750	39.6	4.9	0.33
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,916	987	11.9	1.3	1.69
Xây dựng	23,134	- 396	- 22.4	0.8	3.19
Máy công nghiệp	8,466	2,915	8.5	1.5	0.65
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,689	3,097	10.9	1.2	0.43
Lốp xe	6,129	4,405	7.7	2.3	1.28
Nuôi trồng nông & hải sản	12,464	1,641	10.7	1.2	1.97
Thực phẩm	201,662	3,861	22.2	5.7	0.76
Dược phẩm	13,652	5,962	10.7	3.1	0.79
Phần mềm	13,241	5,015	8.2	1.9	1.11
Sản xuất & phân phối điện	21,276	2,218	6.6	1.3	1.19
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,480	6,178	9.6	3.6	0.45
Bảo hiểm nhân thọ	27,287	1,618	24.8	2.3	3.18
Môi giới chứng khoán	17,136	695	14.4	0.9	0.58
Ngân hàng	200,898	1,666	10.4	1.3	9.66
Bất động sản	128,202	1,345	16.9	2.8	2.01
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,297	3,970	8.3	1.4	1.45

## VN30 & HNX30 INDEX

**VN30** 565.69 **-6.44** **-1.13%**  
**HNX30** 123.50 **-1.86** **-1.49%**

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin kinh tế

**Gia nhập TPP: Xuất khẩu của Việt Nam có thể đạt 307 tỉ USD năm 2025**

Phát biểu tại buổi công bố Báo cáo Thương mại Việt Nam do Maersk Line tổ chức hôm nay 10.12, ông Marco Civardi, giám đốc Damco Việt Nam và Campuchia, dẫn nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Kinh tế Peterson - một tổ chức nghiên cứu chính sách phi lợi nhuận trung lập - cho biết: Trong khuôn khổ TPP (Hiệp định Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương), GDP của VN có thể tăng thêm 37,5 tỉ USD (từ mức 142 tỉ USD năm 2012) và xuất khẩu có thể đạt mức 307 tỉ USD vào năm 2025, so với con số ước tính chỉ khoảng 239 tỉ USD nếu không có TPP.

**Xuất khẩu cả năm sẽ tăng 16%**

Bộ Công Thương dự báo, nếu không có yếu tố đột biến, khả năng tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2013 đạt khoảng 132 tỷ USD, vượt mức dự báo từ tháng trước (131 tỷ), tăng hơn 16% và cao hơn nhiều so với mục tiêu đề ra đầu năm (126,1 tỷ USD). Con số này nếu đạt được sẽ tăng 15% so với năm 2012, vượt chỉ tiêu Quốc hội đề ra (tăng 10%). Những số liệu trên cho thấy, Quy mô và tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu đã được mở rộng và tăng trưởng ở mức độ khá cao. Tốc độ tăng xuất khẩu cao hơn tốc độ tăng nhập khẩu giúp cán cân thương mại dần được cải thiện.

**ADB hạ dự báo tăng trưởng Đông Nam Á**

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) vừa điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng của khu vực Đông Nam Á đi đôi chút cho năm nay và năm tới, trong khi giữ nguyên dự báo đối với khu vực Châu Á đang phát triển. Trong Báo cáo Bổ sung về Triển vọng Phát triển Châu Á công bố ngày 11/12, ADB dự báo nền kinh tế khu vực Đông Nam Á sẽ đạt mức tăng trưởng 4,8% trong năm 2013 và 5,2% trong năm 2014, đều giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 10.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin doanh nghiệp

**TCM - Vượt 30% kế hoạch lợi nhuận năm**

Ông Trần Như Tùng, thành viên HĐQT CTCP Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công (HOSE: TCM) cho biết, 11 tháng đầu năm, TCM đạt 2.300 tỷ đồng doanh thu, đạt 96% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế đạt 118 tỷ đồng, vượt kế hoạch 30%. Riêng tháng 11, doanh thu của TCM đạt 210 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 10 tỷ đồng. Theo TCM, nếu Hiệp định Đối tác Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) được thông qua vào cuối năm nay hoặc đầu năm 2014 và có hiệu lực vào đầu năm 2015 sẽ tác động rõ rệt đến tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

**VSI - 11 tháng lãi 7,4 tỷ đồng**

CTCP Đầu tư và xây dựng cấp thoát nước (HOSE: VSI) công bố nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua kết quả kinh doanh tháng 10, tháng 11/2013 và đưa ra kế hoạch cho tháng 12. Theo đó, Hội đồng quản trị thông qua kết quả trong 2 tháng 10+11/2013 với 39,8 tỷ đồng doanh thu và 995 triệu đồng lợi nhuận chưa hợp nhất. Như vậy, tính đến hết tháng 11 công ty đạt 263,5 tỷ đồng doanh thu hoàn thành 76,1% kế hoạch năm và lãi chưa hợp nhất là 7,4 tỷ đồng bằng 29,5% kế hoạch năm. Ngoài ra, Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch tháng 12 với 39 tỷ đồng doanh thu và thu về tài khoản 50,5 tỷ đồng.

**HDBank và Fubon Việt Nam ký thỏa thuận hợp tác toàn diện**

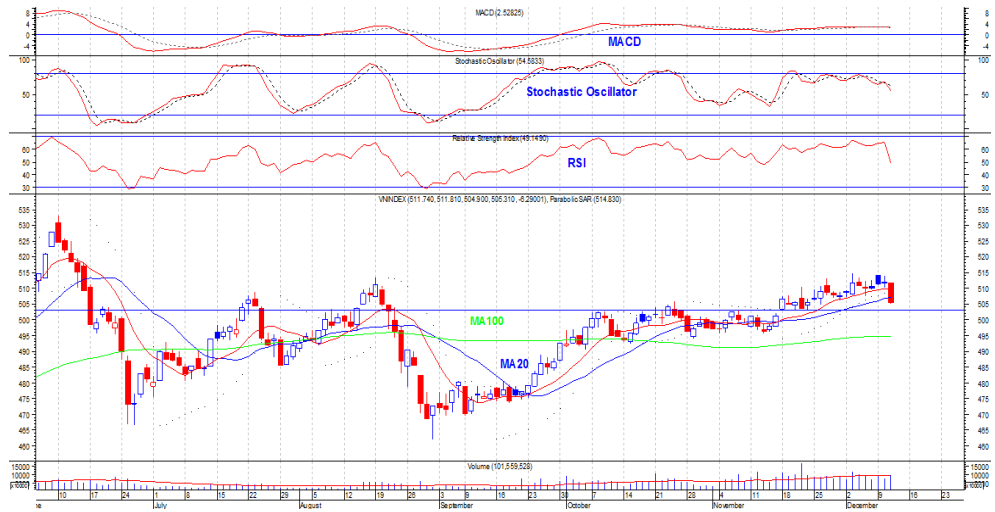
Ngày 11/12/2013, HDBank và Bảo hiểm Phi Nhân thọ Fubon Việt Nam (Fubon Việt Nam) đã ký kết chương trình hợp tác toàn diện về cung ứng sản phẩm và hợp tác truyền thông thương hiệu giữa hai bên. Theo thỏa thuận, HDBank và Fubon Việt Nam sẽ tăng cường các hoạt động hợp tác như ưu tiên sử dụng các sản phẩm dịch vụ của hai bên. Cụ thể, với mạng lưới trên 200 điểm giao dịch ngân hàng và hàng ngàn điểm dịch vụ tài chính, HDBank sẽ hỗ trợ Fubon Việt Nam tiếp cận những khách hàng tiềm năng sử dụng các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ của Fubon. Bên cạnh đó, HDBank cũng sẵn sàng hỗ trợ các gói dịch vụ và sản phẩm ngân hàng ưu đãi dành cho khách hàng và nhân viên của Fubon Việt Nam.

**HOSE** 11/12/2013 VNINDEX 505.31 -6.29 -1.23% 103,538,540 CP 1,409.23 bil VND

### Đà bán lan rộng đẩy 2 sàn giảm điểm mạnh

VN-Index giảm 6.29 điểm (-1.23%), đóng cửa tại mức 505.31 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, giảm điểm mạnh, thể hiện áp lực bán gia tăng mạnh.

- 2 đường MA10 và MA20 chứng đà tăng và bị đường giá xuyên qua.
- Tín hiệu MACD Histogram cắt xuống đường tín hiệu và cho tín hiệu bán.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán trở lại và lao dốc mạnh.
- RSI lao dốc mạnh xuống ngưỡng 49.
- Parabolic SAR cũng cho tín hiệu bán.
- Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật đều cho tín hiệu bán.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0 (0.0%)	6,965,870
ITA	-0.2 (-3.0%)	6,537,120
REE	-0.9 (-3.0%)	4,315,530
PPC	-1.2 (-4.7%)	3,625,180
SAM	0 (0.0%)	3,163,400

### HOSE Top 5 theo % tăng

VID	0.3 (7.0%)	261,030
TTP	1.3 (6.5%)	200
SC5	1.4 (6.4%)	26,020
SPM	1.8 (6.4%)	1,000
THG	0.5 (6.3%)	10

### HOSE Top 5 theo % giảm

PXM	-0.1 (-8.3%)	30,560
CCL	-0.3 (-7.0%)	379,960
DHC	-0.6 (-7.0%)	1,100
KSS	-0.5 (-6.9%)	813,310
NHW	-0.9 (-6.8%)	1,300

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GMD	17,8 tỷ	524,670
VSH	12,9 tỷ	893,950
PVD	10,4 tỷ	170,520
DPM	6,1 tỷ	147,310
HPG	5,8 tỷ	147,210

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PPC	-11,9 tỷ	484,500
BVH	-7,4 tỷ	189,430
MSN	-6,8 tỷ	78,610
CII	-2,8 tỷ	156,270
VCB	-2,7 tỷ	97,590

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,122,530	38.62

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường sụt giảm mạnh, đà mất điểm lan rộng khi các mã vốn hóa lớn không còn giữ được sắc xanh. Lực bán ra tương đối mạnh khiến VN-Index rơi sát vùng MA50.
- ▶ Thanh khoản gia tăng mạnh, đà bán thường xuất hiện vào cuối phiên ở những phiên vừa qua xuất hiện ngày từ đầu phiên hôm nay. Cho thấy tâm lý chốt lời khá dứt khoát.
- ▶ Nhiều khả năng đà giảm của thị trường sẽ ít đi khi VN-Index đang ở rất gần với vùng hỗ trợ 500 - 502 điểm. Kỳ vọng lực cầu quay trở lại mạnh sẽ giúp chỉ số này phục hồi.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng trở lại. Động thái cơ cấu danh mục của quỹ ETF có lẽ sẽ quyết định xu hướng cho VN-Index trong 1 - 2 tuần tới.
- ▶ NĐT có thể gia tăng tỷ trọng cổ phiếu nếu thanh khoản tiếp tục gia tăng và thị trường trụ vững ở vùng 500 - 502. Đặc biệt, sẵn sàng giảm trạng thái nếu vùng này bị phá vỡ.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	64.0	121,280.00	6,696	9.7	3.7	0.40
VNM	833.5	141.0	117,519.97	8,053	17.4	6.9	0.22
VIC	908.7	71.5	64,974.04	6,710	10.7	4.1	2.74
VCB	2,317.4	27.3	63,265.49	1,757	15.8	1.6	9.59
CTG	3,723.4	16.9	62,925.54	2,287	7.5	1.3	9.54
MSN	734.9	85.5	62,834.92	556	157.3	4.9	1.77
BVH	680.5	39.0	26,538.39	1,618	24.8	2.3	3.18
STB	1,142.5	17.0	19,422.70	703	24.3	1.2	8.60
PVD	275.3	60.5	16,653.31	6,608	9.4	1.6	1.13
HPG	419.1	38.9	16,301.14	3,913	10.0	1.8	1.41

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

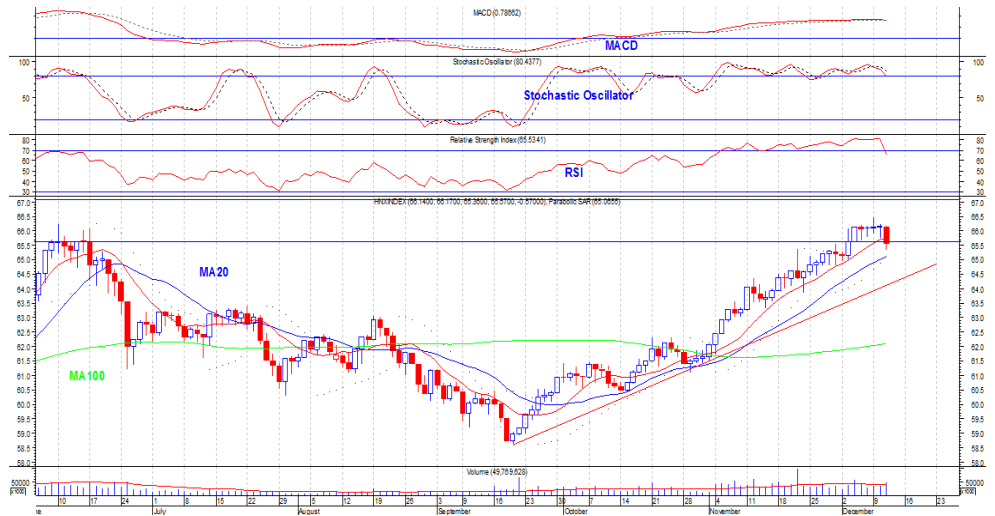
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.3	2,860.98	18.8	1.1	NA	T.ĐỒI
PPC	318.2	24.3	7,731.16	4.2	1.6	NA	T.ĐỒI
PHR	78.5	31.5	2,472.44	6.2	1.3	31.0	GIỮ
BMP	45.5	71.0	3,228.97	8.6	2.2	NA	T.ĐỒI
VSC	28.6	51.5	1,475.27	6.8	1.9	NA	T.ĐỒI
DPM	379.9	41.0	15,577.30	6.3	1.6	NA	T.ĐỒI

**HNX** 11/12/2013 HNX-Index 65.57 -0.57 -0.86% 51,634,399 CP 404.80 bil. VND

### Đà bán lan rộng đẩy 2 sàn giảm điểm mạnh

Chỉ số HNX-Index giảm 0.57 điểm (-0.86%), đóng cửa tại mốc 65.57 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân nến dài giảm điểm mạnh, thể hiện áp lực bán gia tăng trên diện rộng.

- 2 đường MA10 và MA20 chứng đà tăng, đặc biệt đường giá đã xuyên qua đường MA10.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục đi xuống và sắp ra khỏi vùng quá mua.
- MACD cắt xuống đường tín hiệu và cho tín hiệu bán.
- RSI (14) giảm mạnh xuống mức 65.
- DI+, DI- thu hẹp khoảng cách.



### HNX Top 5 theo KLGD

SHB	-0.1 (-1.4%)	5,748,840
SCR	-0.3 (-4.3%)	4,512,980
KLS	-0.1 (-1.1%)	2,498,860
VCG	-0.2 (-1.9%)	2,336,310
VND	-0.1 (-1.0%)	1,836,600

### HNX Top 5 theo % tăng

DNY	0.8 (10.0%)	2,980
MMC	0.3 (10.0%)	100
VE4	0.8 (10.0%)	-
VE8	0.3 (10.0%)	500
BXH	0.9 (9.9%)	100

### HNX Top 5 theo % giảm

VPC	-0.3 (-10.0%)	228,500
AMC	-1.7 (-9.9%)	1,500
TTZ	-0.4 (-9.5%)	52,900
BVG	-0.3 (-9.4%)	16,300
SAF	-4.1 (-9.1%)	100

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	6,7 tỷ	365,000
SDH	2,9 tỷ	631,700
OCH	1,1 tỷ	45,000
SDT	1,0 tỷ	54,000
VND	0,9 tỷ	90,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SHB	-4,1 tỷ	599,600
VIG	-0,4 tỷ	139,000
PVG	-0,2 tỷ	14,500
SD6	-0,1 tỷ	11,000
SHN	-0,1 tỷ	89,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-223,100	0.05

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Cũng giống sàn HOSE, đà bán lan rộng và xuất hiện ngày một nhiều cho đến lúc đóng cửa phiên giao dịch khiến HNX-Index mất điểm khá mạnh.
- ▶ Thanh khoản gia tăng mạnh cho thấy sự dứt khoát của người bán. Tuy vậy thì lực cầu bắt đáy sẵn sàng tham gia khá lớn nên chưa có hiện tượng mất thanh khoản.
- ▶ Nhiều khả năng đà giảm của thị trường sẽ ít đi khi HNX-Index đối mặt với ngưỡng hỗ trợ 64.5 - 65 điểm. Kỳ vọng lực cầu gia tăng trở lại sẽ giúp thị trường phục hồi.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng trở lại. Động thái cơ cấu danh mục của quỹ ETF có lẽ sẽ quyết định xu hướng cho VN-Index trong 1 - 2 tuần tới.
- ▶ NĐT có thể gia tăng tỷ trọng cổ phiếu nếu thanh khoản tiếp tục gia tăng và thị trường trụ vững ở vùng 65 điểm. Đặc biệt, sẵn sàng giảm trạng thái nếu vùng này bị phá vỡ.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	15.5	14,283.49	1,027	15.2	1.1	11.53
SQC	110.0	78.2	8,602.00	198	395.7	6.4	0.24
PVS	446.7	18.4	8,219.29	2,872	6.5	1.1	2.15
SHB	886.1	6.9	6,113.98	1,884	3.7	0.6	10.63
OCH	200.0	25.3	5,060.00	687	37.0	2.4	0.95
VCG	441.7	10.4	4,593.79	403	26.3	0.9	3.58
PVI	226.3	16.5	3,733.20	1,239	13.3	0.6	0.81
LAS	77.8	36.3	2,825.30	5,181	7.0	2.2	1.11
NTP	43.3	58.9	2,552.61	7,195	8.1	2.1	0.44
VNR	100.8	23.3	2,349.28	3,470	6.6	0.9	0.91

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.0	1,064.00	5.2	1.2	NA	T.ĐỒI
AAA	19.8	17.2	340.56	5.2	0.7	NA	T.ĐỒI
VND	100.0	10.2	1,019.74	8.1	0.8	NA	T.ĐỒI
NTP	43.3	58.9	2,552.61	8.1	2.1	NA	T.ĐỒI
LHC	2.0	54.1	108.20	2.3	1.0	NA	T.ĐỒI
DXP	7.9	44.2	348.07	5.5	1.6	NA	T.ĐỒI

**Nguyet A. Vu**  
nguyetva@vietinbanksc.com.vn

**Mã CK** TRC  
**Tên công ty** Cao su Tây Ninh  
**Sở giao dịch** HOSE  
**Ngành** Nhựa, cao su & sợi  
**SLCPLH** 29.125 triệu CP  
**GTVH (tỷ)** 1,247 tỷ VND

Giá hiện tại **42.8**  
Giá mục tiêu **49.0**

**GIỮ**



Lũy kế 9 tháng 2013, TRC đạt 431 tỷ đồng DT, giảm 26% (yoy). Giá vốn tăng (gần 13 tỷ đồng Q3 so với cùng kỳ), LN khác giảm 35% (yoy) kéo theo LNTT giảm 31% (yoy) đạt 171 tỷ đồng. Tuy nhiên đây là mức giảm được ghi nhận là thấp hơn so với các công ty khác trong ngành.

Công nợ có sự có sự thay đổi rõ rệt từ đầu năm nay, tăng 123% (yoy). Nguyên nhân đến từ vay nợ NH tăng từ 3,7 tỷ đồng đầu kỳ lên tới gần 333 tỷ đồng cuối tháng 9/2013.

Hệ số nợ thấp (0,32 lần) do TRC nắm giữ lượng tiền mặt trị giá 780 tỷ và tổng công nợ ở mức thấp. Hệ số P/B (0,9 lần) tương đối hợp lý so với mức trung bình của ngành. Chỉ số EPS cao thứ 2 trong ngành chỉ sau DPR kéo theo chỉ số P/E (4.5 lần) ở mức thấp hơn trung bình.

Theo phương pháp định giá so sánh nhiều chỉ số, mức giá hợp lý của TRC là 49.000 đồng/CP, cao hơn 14% so với mức giá hiện tại, khuyến nghị "NẮM GIỮ" đối với CP TRC.

## ► TRC: 11 tháng 2013, TRC đạt gần 207 tỷ đồng LN, chốt quyền trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2013 tỷ lệ 15%

TRC hiện là công ty sản xuất cao su thiên nhiên lớn thứ 3 trên thị trường chứng khoán. Năng suất cao su bình quân của công ty đạt khoảng 2.2 tấn/ha (so với mức trung bình của ngành là 1.7 tấn/ha), cao nhất trong ngành cao su hiện nay. TRC là một trong số ít các công ty cao su tại Việt Nam sản xuất chủ yếu loại cao su mủ ly tâm có giá bán trung bình cao hơn so với các sản phẩm khác (70% doanh thu 2012).

DT quý 3/2013 của TRC đạt 194,7 tỷ đồng, giảm 16% so với cùng kỳ 2012. Nguyên nhân chính do giá bán cao su bình quân giảm 18,6% (yoy), từ 59,7 triệu đồng/tấn xuống còn 48,6 triệu đồng/tấn. Trong đó, DT tài chính của Công ty cũng bị thu hẹp trong quý 3, chỉ còn 3,8 tỷ đồng. LN khác từ việc bán và thanh lý vườn cây cũng sụt giảm đáng kể, từ 17,6 tỷ đồng quý 3/2012 xuống còn 1 tỷ đồng quý 3 năm nay, kéo theo lãi gộp quý 3 giảm mạnh (44,5% yoy) đạt 62 tỷ đồng.

Đến hết tháng 11/2013, TRC đạt 206,9 tỷ đồng lợi nhuận, trong đó lợi nhuận tháng 11 là 15 tỷ đồng do giá bán bình quân trong tháng 11 sụt giảm mạnh, bình quân chỉ đạt hơn 40 triệu đồng/tấn. TRC dự kiến hoàn thành chỉ tiêu doanh thu 2013 là 901,4 tỷ đồng, nhưng kế hoạch LNTT 256,94 tỷ đồng có thể chỉ gần đạt. Công ty sẽ vẫn trả cổ tức năm 2013 ở mức 30%, thống nhất chia tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2013 là 15%/mệnh giá.

Cũng như các doanh nghiệp cao su khác, TRC có nền tảng tài chính rất vững chắc. Tuy nhiên dự đoán tăng trưởng lợi nhuận của TRC sẽ đi ngang trong khoảng 3 năm tới, do năng suất vườn cây cao su sẽ giảm dần (có thể xuống dưới mốc 2 tấn/ha vào năm 2015), bên cạnh đó dự án mở rộng diện tích vườn cây tại Campuchia (2012) chỉ bắt đầu đóng góp LN từ năm 2018 trở đi.

### Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	12Q2	12Q3	12Q4	13Q1	13Q2	13Q3
<b>Doanh thu</b>	96	231	331	184	53	195
<b>Lợi nhuận gộp</b>	22	111	121	47	14	62
<b>Lợi nhuận kinh doanh</b>	14	105	106	39	10	53
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	68	129	135	54	64	58
<b>Lãi ròng</b>	<b>54</b>	<b>123</b>	<b>119</b>	<b>48</b>	<b>50</b>	<b>53</b>
<b>Tiền và tương đương tiền</b>	513	476	559	684	488	491
<b>Tài sản khác</b>	807	878	933	1,050	1,222	1,309
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1,320</b>	<b>1,354</b>	<b>1,492</b>	<b>1,735</b>	<b>1,710</b>	<b>1,800</b>
<b>Công nợ</b>	194	122	189	374	400	437
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,126</b>	<b>1,232</b>	<b>1,303</b>	<b>1,360</b>	<b>1,310</b>	<b>1,363</b>

Mã CK	SLCPLH	Giá	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
<b>Một số công ty cùng lĩnh vực hoạt động</b>							
DPR	42.1	46.6	1,963.02	9,591	4.9	0.9	0.25
HRC	17.3	49.0	845.79	3,221	15.2	1.7	0.34
PHR	78.5	32.6	2,558.78	5,241	6.2	1.3	0.51
TNC	19.3	14.2	273.35	2,011	7.1	0.9	0.13
TRC	29.1	42.9	1,249.46	9,238	4.6	0.9	0.32
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-

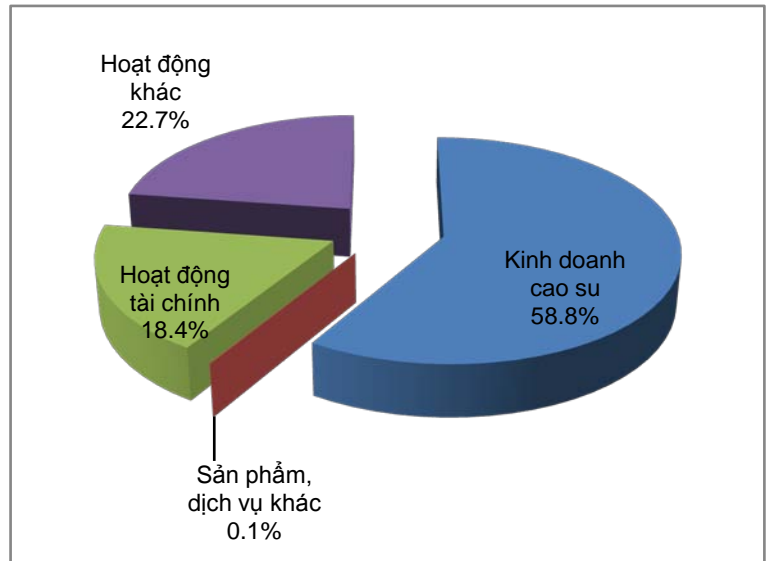
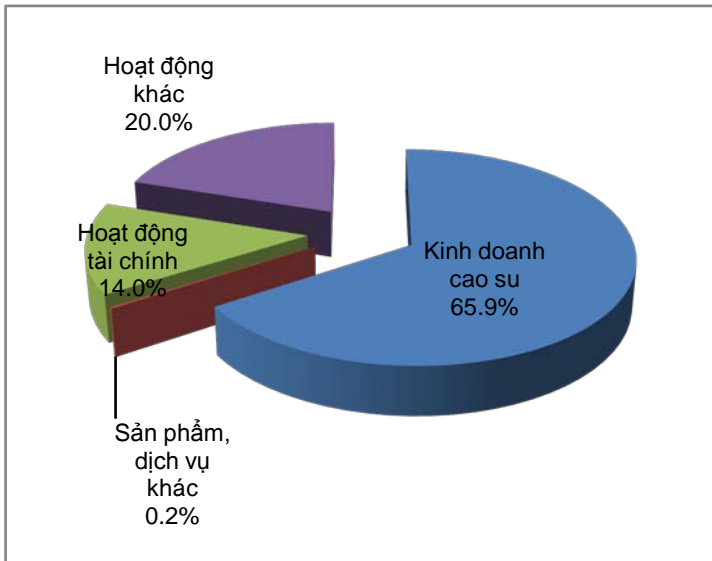
### Chỉ số bình quân ngành

Nhựa, cao su & sợi	8,052.00	4,300	6.4	1.1	0.50
--------------------	----------	-------	-----	-----	------

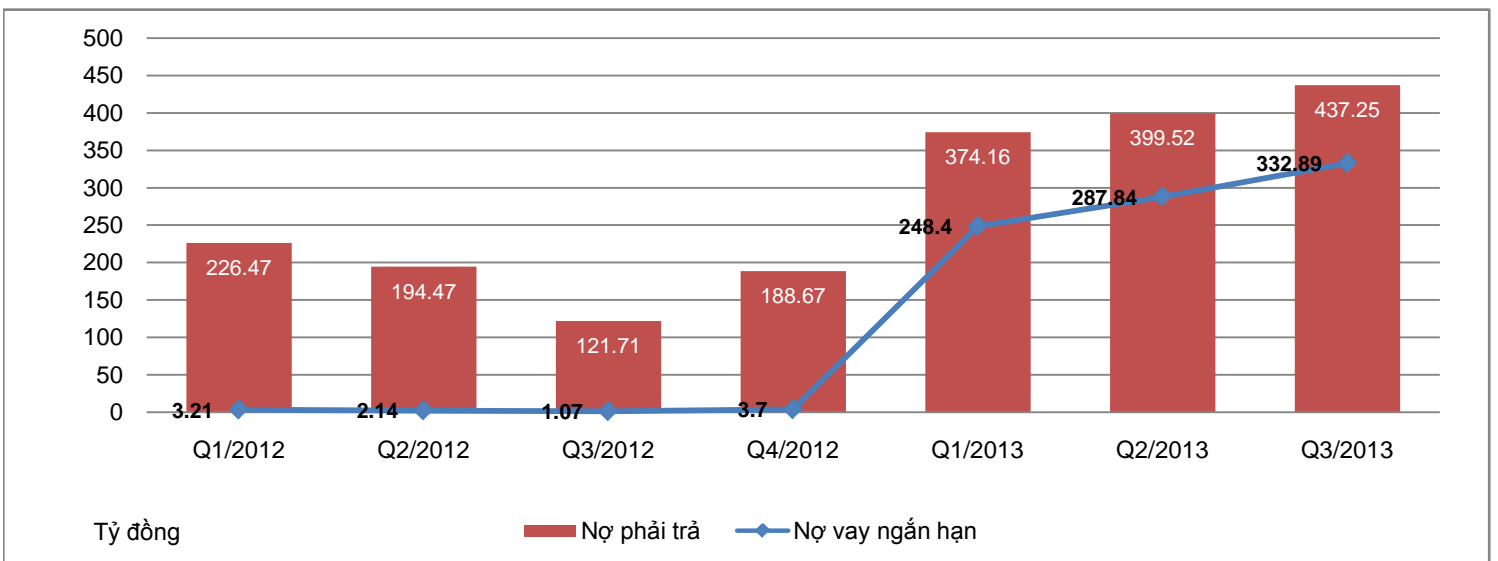
## ► Cơ cấu lợi nhuận trước thuế

11 tháng 2012

11 tháng 2013



## ► Tình hình nợ phải trả



KQKD	2009	2010	2011	2012
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>440</b>	<b>758</b>	<b>1,195</b>	<b>908</b>
Giá vốn hàng bán	(290)	(432)	(701)	(608)
<b>Lãi gộp</b>	<b>151</b>	<b>326</b>	<b>495</b>	<b>300</b>
Chi phí bán hàng	(4)	(7)	(9)	(8)
Chi phí quản lý	(21)	(57)	(47)	(33)
<b>Lợi nhuận hoạt động</b>	<b>125</b>	<b>261</b>	<b>439</b>	<b>259</b>
Chi phí khác (ròng)	35	14	55	74
- Thu nhập khác	36	24	63	85
- Chi phí khác	(1)	(10)	(9)	(11)
<b>EBIT</b>	<b>161</b>	<b>275</b>	<b>493</b>	<b>333</b>
Chi phí tài chính (ròng)	12	30	75	56
- Thu nhập tài chính	14	33	77	59
- Chi phí tài chính	(2)	(3)	(2)	(3)
+ Chi phí lãi vay	(2)	(3)	(2)	(1)
<b>LNR trước thuế</b>	<b>173</b>	<b>305</b>	<b>568</b>	<b>388</b>
Thuế TNDN	(9)	(30)	(53)	(46)
<b>LNR sau thuế</b>	<b>163</b>	<b>275</b>	<b>515</b>	<b>343</b>
<b>Lợi ích thiểu số</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>LNR sau lợi ích thiểu số</b>	<b>163</b>	<b>275</b>	<b>515</b>	<b>343</b>

BÁO CÁO DÒNG TIỀN	2009	2010	2011	2012
<b>LNR sau lợi ích thiểu số</b>	<b>16</b>	<b>27</b>	<b>52</b>	<b>34</b>
<b>Điều chỉnh</b>				
+ Khấu hao	175	12	13	8
+ Dự phòng	4	42	38	(59)
+ Lợi ích thiểu số	-	-	-	-
+ Đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
+ Chi phí tài chính ròng	(13)	(33)	(82)	(62)
<b>Tiền từ hoạt động k.doanh</b>	<b>401</b>	<b>350</b>	<b>538</b>	<b>207</b>
- Tăng đầu tư máy móc	(498)	(23)	(28)	(10)
- Tăng đầu tư TCSD	-	-	-	-
- Tăng đầu tư TC ng.hạn	(9)	(1)	(22)	(177)
- Tăng đầu tư TC d.hạn	(130)	(9)	(9)	(37)
- Tăng khác	(33)	30	(68)	71
<b>Tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(670)</b>	<b>(4)</b>	<b>(128)</b>	<b>(153)</b>
<b>Tiền tự do</b>	<b>(270)</b>	<b>347</b>	<b>411</b>	<b>54</b>
- Cổ tức đã trả	162	(103)	(161)	(147)
<b>Tiền sau trả cổ tức</b>	<b>(108)</b>	<b>244</b>	<b>250</b>	<b>(93)</b>
+ Tăng góp vốn cổ phần	300	-	-	-
+ Tăng góp vốn khác	-	-	-	-
+ Tăng khác	-	-	-	-
- Tăng cổ phiếu quỹ	-	(24)	-	(20)
+ Tăng nợ	50	(15)	(22)	(4)
<b>Tiền từ hoạt động t.chính</b>	<b>512</b>	<b>(142)</b>	<b>(182)</b>	<b>(172)</b>
<b>Tiền trước ch.lịch t.giá</b>	<b>242</b>	<b>205</b>	<b>228</b>	<b>(117)</b>
+ Chênh lệch tỷ giá	3	(9)	5	1
<b>Dòng tiền mặt ròng</b>	<b>245</b>	<b>196</b>	<b>234</b>	<b>(116)</b>
Tiền mặt đầu kỳ	-	245	441	675
Tiền mặt cuối kỳ	245	441	675	559

BẢNG CÂN ĐỐI	2009	2010	2011	2012
<b>Tài sản lưu động</b>	<b>305</b>	<b>578</b>	<b>902</b>	<b>955</b>
Tiền và tương đương	245	441	675	559
Đầu tư t.chính ng.hạn	9	10	33	210
Các khoản phải thu	10	35	67	104
Tồn kho	39	86	125	76
Tài sản lưu động khác	1	6	3	6
<b>Tài sản cố định / dài hạn</b>	<b>486</b>	<b>477</b>	<b>569</b>	<b>537</b>
Phải thu dài hạn	-	-	-	-
Đầu tư t.chính dài hạn	129	138	147	184
Máy móc, thiết bị (ròng)	260	259	259	248
Máy móc, thiế bị (d.dang)	64	76	92	104
Đầu tư BĐS dài hạn	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	33	3	71	0
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>791</b>	<b>1,055</b>	<b>1,471</b>	<b>1,492</b>
<b>Công nợ</b>	<b>163</b>	<b>288</b>	<b>344</b>	<b>189</b>
Nợ ngắn hạn	121	264	330	184
Nợ dài hạn	42	24	14	5
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>628</b>	<b>767</b>	<b>1,127</b>	<b>1,303</b>
Vốn góp CSH	300	300	300	300
Các quỹ	213	287	467	748
Lợi nhuận chưa p.phối	115	204	384	299
Khác	-	(24)	(24)	(44)
Lợi tích cổ đông thiểu số	-	-	-	-
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>791</b>	<b>1,055</b>	<b>1,471</b>	<b>1,492</b>

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2009	2010	2011	2012
<b>Tăng trưởng</b>				
Doanh thu thuần		72.1%	57.7%	-24.1%
Lợi nhuận gộp		116.2%	51.9%	-39.4%
Lợi nhuận ròng		68.2%	87.6%	-33.5%
Tổng tài sản		33.4%	39.5%	1.4%
Vốn chủ sở hữu		22.2%	46.9%	15.6%
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Nợ ngắn hạn	2.53	2.19	2.74	5.20
Thanh toán nhanh	2.20	1.87	2.36	4.79
Tiền mặt	2.11	1.71	2.15	4.19
<b>Hoạt động</b>				
Vòng quay tiền mặt	1.80	1.72	1.77	1.63
Vòng quay khoản p.thu	123.54	34.00	47.21	12.57
Vòng quay tồn kho	7.46	5.05	5.59	7.99
<b>Đòn bẩy tài chính</b>				
Nợ/Tổng tài sản	0.21	0.27	0.23	0.13
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.26	0.37	0.31	0.14
Hệ số trả chi phí lãi vay	71.42	101.14	238.53	115.64
<b>Khả năng sinh lợi</b>				
Tỷ suất lãi gộp	34.2%	42.9%	41.4%	33.0%
Tỷ suất lãi hoạt động	28.4%	34.4%	36.7%	28.5%
Tỷ suất lãi ròng	37.1%	36.2%	43.1%	37.7%
Lợi nhuận/Tổng tài sản	20.6%	26.0%	35.0%	23.0%
Lợi nhuận/Vốn CSH	26.0%	35.8%	45.7%	26.3%
Tiền HĐKD/Tổng TS	50.7%	33.2%	36.6%	13.9%
<b>Chỉ số khác</b>				
Lợi nhuận/Cổ phiếu	5.44	9.15	17.17	11.42
Giá trị sổ sách/CP	20.94	25.58	37.57	43.44

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>EPS</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>D/E</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,052	4,300	6.4	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,090	5,436	6.5	1.6	0.39
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,031	302	18.2	0.5	2.07
Sản xuất giấy	606	397	17.8	0.7	1.01
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	27,552		13.9	1.6	1.85
Khai khoáng					
Khai thác than	1,397	312	29.5	0.7	5.22
Khai khoáng	12,082	750	39.6	4.9	0.33
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,916	987	11.9	1.3	1.69
Xây dựng	23,134	396	22.4	0.8	3.19
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,007	2,581	6.9	1.1	1.04
Công nghiệp phức hợp	338	1,656	4.9	0.5	0.35
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,623	1,280	10.4	1.3	1.06
Thiết bị điện	1,526	438	13.1	0.6	1.13
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	29	53	99.7	0.4	0.43
Máy công nghiệp	8,466	2,915	8.5	1.5	0.65
Vận tải					
Vận tải thủy	6,624	2,796	2.8	0.8	1.75
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,689	3,097	10.9	1.2	0.43
Dịch vụ vận tải	4,480	1,600	10.4	1.3	0.83
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,696	1,805	8.5	1.0	2.94
Đào tạo & Việc làm	210	369	21.0	0.6	1.98
Nhà cung cấp thiết bị	169	885	8.9	0.8	2.38
Chất thải & Môi trường	115	6,495	1.9	0.7	1.30
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,859	1,077	13.9	4.3	36.11
Lốp xe	6,129	4,405	7.7	2.3	1.28
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,235	2,750	6.2	1.0	0.89
Vang & Rượu mạnh	204	1,484	15.3	1.6	1.01
Đồ uống & giải khát	198	3,598	5.2	1.0	0.41
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,464	1,641	10.7	1.2	1.97
Thực phẩm	201,662	3,861	22.2	5.7	0.76
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	36	692	4.3	0.5	0.31
Thiết bị gia dụng	2,027	2,036	8.2	1.0	1.17
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	163	4,808	3.7	1.4	0.45
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,533	2,422	8.3	1.2	1.60
Giày dép	6	1,938	1.9	0.2	0.59
Hàng cá nhân	4,696	3,084	9.7	1.6	0.91
Thuốc lá					
Thuốc lá	710	-	27.7	0.9	2.74



<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>EPS</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>D/E</b>
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,074	2,542	7.4	1.0	0.61
Dụng cụ y tế	90	5,281	2.5	1.2	1.30
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	152	870	15.3	0.9	0.43
Dược phẩm	13,652	5,962	10.7	3.1	0.79
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	424	453	74.3	1.3	2.65
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	579	471	28.7	0.9	1.08
Phân phối hàng chuyên dụng	2,681	3,177	8.4	1.6	3.90
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2,492	3.3	0.4	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	986	1,589	7.0	0.8	0.63
Du lịch và giải trí					
Hàng không	99	4,511	7.3	2.2	1.04
Khách sạn	5,557	583	39.6	2.4	0.90
Dịch vụ giải trí	1,942	605	20.9	1.6	0.82
Vận tải hành khách & Du lịch	1,075	914	18.9	2.0	0.52
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	39	628	9.1	0.3	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	437	63	81.9	0.6	1.30
Internet	333	72	62.7	0.8	3.45
Phần mềm	13,241	5,015	8.2	1.9	1.11
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	293	555	12.7	0.5	1.43
Thiết bị văn phòng	197	3,383	4.7	0.8	0.21
Thiết bị viễn thông	1,894	711	13.8	0.7	0.33
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	21,276	2,218	6.6	1.3	1.19
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,480	6,178	9.6	3.6	0.45
Nước	928	2,445	5.0	0.9	0.61
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,100	959	9.6	0.8	1.93
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,750	1,272	11.1	0.7	0.87
Tái bảo hiểm	2,299	3,470	6.6	0.9	0.91
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,287	1,618	24.8	2.3	3.18
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,420	196	58.0	1.1	2.61
Môi giới chứng khoán	17,136	695	14.4	0.9	0.58
Ngân hàng					
Ngân hàng	200,898	1,666	10.4	1.3	9.66
Bất động sản					
Bất động sản	128,202	1,345	16.9	2.8	2.01
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	3	720	3.5	0.3	1.03
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,297	3,970	8.3	1.4	1.45

- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.